

Số: 10.87/XLDKMT-TCKT

Đà Nẵng, ngày 12 tháng 08 năm 2011

Kính gửi: Ủy ban chứng khoán Nhà Nước  
Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM

1. Tổ chức niêm yết: Công ty cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung (PVC-MT)
2. Tên giao dịch: Công ty cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung
3. Mã chứng khoán: PXM
4. Điện thoại: 0511 3635 888 Fax: 0511 3635 777
5. Website: [WWW.pvcmt.vn](http://WWW.pvcmt.vn)
6. Nội dung: Công ty cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung xin công bố Báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm 2011 đã được kiểm toán soát xét.

Trân trọng!

*Nơi nhận:*

- Như trên;
- CT HĐQT (báo cáo)
- Lưu TC-KT, VT.

**T/L. GIÁM ĐỐC  
KẾ TOÁN TRƯỞNG**



**Lê Trí Tài**

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM  
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ MIỀN TRUNG**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011  
đến ngày 30 tháng 6 năm 2011**



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ MIỀN TRUNG**

Tòa nhà Trung tâm Tài chính Dầu khí, Lô A2.1, đường 30/4, quận Hải Châu  
Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam

---

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 19

## CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ MIỀN TRUNG

Tòa nhà Trung tâm Tài chính Dầu khí, Lô A2.1, đường 30/4, quận Hải Châu  
Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam

### BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

##### Hội đồng Quản trị

Ông Trần Xuân Mô	Chủ tịch
Ông Bùi Công Toanh	Ủy viên
Ông Nguyễn Tiến Hùng	Ủy viên
Ông Ngô Giang Nam	Ủy viên
Ông Bùi Tiến Thành	Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 07/01/2011)
Ông Nguyễn Đình Phước	Ủy viên (Bỏ nhiệm ngày 08/01/2011)
Bà Phan Thị Hồng Dương	Trợ lý

##### Ban Giám Đốc

Ông Bùi Công Toanh	Giám đốc
Ông Vương Minh Sơn	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Đình Phước	Phó Giám đốc
Ông Vương Duy Tú	Phó Giám đốc
Ông Phạm Anh Tuấn	Phó Giám đốc (Bỏ nhiệm ngày 07/3/2011)
Ông Vũ Văn Duẩn	Phó Giám đốc (Bỏ nhiệm ngày 04/7/2011)

#### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

**Bùi Công Toanh**  
Giám đốc

Ngày 8 tháng 8 năm 2011

Số: 95 /Deloitte-AUDHN-RE

## BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**Kính gửi:** Các cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bằng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011 và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính") của Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung (gọi tắt là "Công ty"), từ trang 3 đến trang 19. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét Báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề đáng lưu ý nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011 phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.



**Đặng Chí Dũng**  
Phó Tổng Giám đốc  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0030/KTV

*Thay mặt và đại diện cho*  
**CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 8 tháng 8 năm 2011  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Nguyễn Quang Trung**  
Kiểm toán viên  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0733/KTV

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011

**MÃ SỐ B 01-DN**  
 Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2011	31/12/2010
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+130+140+150)	<b>100</b>		<b>377.376.357.497</b>	<b>314.323.340.003</b>
<b>I- Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>2.129.688.234</b>	<b>29.502.757.550</b>
1. Tiền	111		2.129.688.234	3.502.757.550
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	26.000.000.000
<b>II- Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>220.497.566.562</b>	<b>161.117.314.648</b>
1. Phải thu khách hàng	131		83.548.318.994	62.552.398.062
2. Trả trước cho người bán	132		57.873.126.096	19.314.890.899
3. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		73.443.229.831	72.941.167.770
4. Các khoản phải thu khác	135		6.101.880.624	6.777.846.900
5. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(468.988.983)	(468.988.983)
<b>III- Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>6</b>	<b>122.212.317.287</b>	<b>103.932.684.480</b>
1. Hàng tồn kho	141		122.212.317.287	103.932.684.480
<b>IV- Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>32.536.785.414</b>	<b>19.770.583.325</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2.853.667.399	4.347.811.855
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		9.400.279.336	4.293.889.785
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		20.282.838.679	11.128.881.685
<b>B- TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200 = 220+240+250+260)	<b>200</b>		<b>395.049.705.368</b>	<b>313.771.670.178</b>
<b>I- Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>161.859.637.685</b>	<b>83.201.224.966</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	<b>7</b>	56.849.405.454	61.323.559.924
- Nguyên giá	222		89.967.109.979	89.420.845.207
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(33.117.704.525)	(28.097.285.283)
2. Tài sản cố định vô hình	227		38.936.667	21.936.667
- Nguyên giá	228		57.500.000	38.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(18.563.333)	(16.063.333)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	<b>8</b>	104.971.295.564	21.855.728.375
<b>II- Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>	<b>9</b>	<b>180.138.063.750</b>	<b>180.605.388.750</b>
- Nguyên giá	241		181.013.000.000	181.013.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(874.936.250)	(407.611.250)
<b>III- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>34.100.000.000</b>	<b>34.100.000.000</b>
1. Đầu tư vào công ty liên kết	252	<b>10</b>	22.800.000.000	22.800.000.000
2. Đầu tư dài hạn khác	258	<b>11</b>	11.300.000.000	11.300.000.000
<b>IV- Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>18.952.003.933</b>	<b>15.865.056.462</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		18.952.003.933	15.865.056.462
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>772.426.062.865</b>	<b>628.095.010.181</b>

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 19 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011

**MẪU SỐ B 01-DN**

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2011	31/12/2010
<b>A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>618.476.981.616</b>	<b>464.411.350.372</b>
<b>I- Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>453.181.829.415</b>	<b>355.329.560.973</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	12	183.467.601.356	132.691.910.740
2. Phải trả người bán	312		107.957.219.331	107.636.749.041
3. Người mua trả tiền trước	313		139.366.729.775	80.093.198.841
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	13	1.415.405.349	7.000.458.865
5. Phải trả người lao động	315		6.531.386.350	15.641.570.899
6. Chi phí phải trả	316		11.928.096.147	11.430.614.101
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		2.865.180.738	1.381.755.926
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		(349.789.631)	(546.697.440)
<b>II- Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>165.295.152.201</b>	<b>109.081.789.399</b>
1. Vay và nợ dài hạn	334	14	165.331.699.643	109.107.336.841
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		(36.547.442)	(25.547.442)
<b>B- NGUỒN VỐN (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>153.949.081.249</b>	<b>163.683.659.809</b>
<b>I- Vốn cổ phần</b>	<b>410</b>	<b>15</b>	<b>153.949.081.249</b>	<b>163.683.659.809</b>
1. Vốn điều lệ	411		150.000.000.000	150.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417		430.000.000	-
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		1.100.000.000	-
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		2.419.081.249	13.683.659.809
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>772.426.062.865</b>	<b>628.095.010.181</b>



**Bùi Công Toanh**  
Giám đốc

Ngày 8 tháng 8 năm 2011

**Lê Trí Tài**  
Kế toán trưởng

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011

**MẪU SỐ B 02-DN**  
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2011	Từ ngày 01/01/2010
			đến ngày 30/6/2011	đến ngày 30/6/2010
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	16	241.245.381.699	123.966.876.931
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)	10		241.245.381.699	123.966.876.931
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	17	198.591.456.101	104.538.392.706
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		42.653.925.598	19.428.484.225
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21		1.999.714.814	765.207.607
6. Chi phí tài chính	22		24.915.196.384	3.760.854.643
7. Chi phí bán hàng	24		78.200.000	491.491.681
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		15.825.107.929	7.965.514.127
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20+21-22-24-25)	30		3.835.136.099	7.975.831.381
10. Thu nhập khác	31		2.463.052.881	458.038.841
11. Chi phí khác	32		2.844.688.071	252.372.946
12. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(381.635.190)	205.665.895
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		3.453.500.909	8.181.497.276
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	18	1.034.419.660	2.045.374.319
15. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51)	60		2.419.081.249	6.136.122.957
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	19	161	460



**Bùi Công Toanh**  
 Giám đốc

Ngày 8 tháng 8 năm 2011

**Lê Trí Tài**  
 Kế toán trưởng



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011

**MẪU SỐ B 03-DN**  
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ ngày 01/01/2011	Từ ngày 01/01/2010
		đến ngày 30/6/2011	đến ngày 30/6/2010
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	3.453.500.909	8.181.497.276
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ	02	5.490.244.242	4.336.239.159
- (Lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(1.782.532.880)	-
- Lãi tiền gửi	05	(217.181.934)	(765.207.607)
- Chi phí lãi vay	06	24.915.196.384	3.759.276.647
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	31.859.226.721	15.511.805.475
- (Tăng) các khoản phải thu	09	(71.858.065.579)	(69.063.761.479)
- (Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	(18.279.632.807)	357.181.464
- Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	43.935.356.141	(11.000.421.640)
- (Tăng) chi phí trả trước	12	(1.592.803.015)	(17.086.740.690)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(23.915.196.384)	(2.993.002.664)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(6.822.865.884)	(1.210.698.037)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(717.752.000)	(72.112.428)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(47.391.732.807)</b>	<b>(85.557.749.999)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(75.948.571.861)	(35.365.338.839)
2. Tiền thu lãi tiền gửi	27	217.181.934	765.207.607
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(75.731.389.927)</b>	<b>(34.600.131.232)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của các cổ đông	31	-	82.960.985.444
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	249.603.548.267	52.156.187.781
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(142.603.494.849)	(21.247.922.599)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho các cổ đông	36	(11.250.000.000)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>95.750.053.418</b>	<b>113.869.250.626</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>(27.373.069.316)</b>	<b>(6.288.630.605)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>29.502.757.550</b>	<b>10.676.342.639</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60)</b>	<b>70</b>	<b>2.129.688.234</b>	<b>4.387.712.034</b>

**Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ**

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong kỳ không bao gồm 12.647.572.218 đồng (năm 2010: 4.914.812.118 đồng), là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong kỳ mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

  
 Bùi Công Toanh  
 Giám đốc

  
 Lê Trí Tài  
 Kế toán trưởng

Ngày 8 tháng 8 năm 2011

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 19 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 965/QĐ-XLKD ngày 16 tháng 11 năm 2009 của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam, trên cơ sở chuyển đổi Công ty TNHH Một thành viên Xây lắp Dầu khí Miền Trung thành Công ty cổ phần. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 4300368987 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp, đăng ký lần đầu ngày 22 tháng 11 năm 2009, sửa đổi lần 5 của Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ngày 03 tháng 6 năm 2011.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 150 tỷ đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 là 569 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2010: 470 người).

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

- Đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật, cầu đường, công trình dân dụng, công nghiệp trong và ngoài ngành dầu khí; xây dựng các công trình thủy lợi; san lấp mặt bằng;
- Đầu tư xây lắp các công trình chuyên ngành dầu khí; xây dựng các công trình đê kè, cầu cảng;
- Sản xuất kinh doanh bê tông thương phẩm, khoan phá đá nổ mìn, khai thác mỏ; sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng; sản xuất các sản phẩm cơ khí, chống ăn mòn kim loại;
- Bảo dưỡng, sửa chữa tàu thuyền và các phương tiện nổi; chế tạo lắp đặt bồn chứa xăng, khí hóa lỏng, chứa nước, bồn chịu áp lực và hệ thống công nghệ;
- Lắp đặt hệ thống máy móc thiết bị công nghệ, thiết bị điều khiển tự động hóa trong các nhà máy công nghiệp; lắp đặt hệ thống đường dây tải điện đến 35 KV và các hệ thống điện dân dụng, công nghiệp; đầu tư kinh doanh bất động sản.
- Kinh doanh khách sạn, nhà hàng, rượu bia, karaoke, massage và các dịch vụ liên quan đến khách sạn.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN****Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

**Kỳ kế toán**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011.

**3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG**

Ngày 06 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC (“Thông tư 210”) hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31 tháng 12 năm 2011. Ban Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến báo cáo tài chính trong năm của Công ty.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tuy nhiên, theo đánh giá của Công ty, tại ngày 30 tháng 6 năm 2011, Công ty không có vật tư, hàng hóa tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất nên không trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

Từ ngày 01/01/2011  
đến ngày 30/06/2011

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc, thiết bị	5 - 10
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	5 - 7
Thiết bị quản lý	3 - 7
Tài sản khác	4

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm cả chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng, vật kiến trúc do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 20 năm. Quyền sử dụng đất không có thời hạn không được khấu hao.

**Chi phí trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn thể hiện giá trị còn lại của các khoản chi phí có thể mang lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các khoản chi phí này được vốn hoá và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính nhưng không quá ba năm.

**Hợp đồng xây dựng**

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thưởng thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng, khoản lỗ ước tính được ghi nhận ngay vào chi phí.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>30/6/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	VND	VND
Tiền mặt	247.426.781	1.567.360.167
Tiền gửi ngân hàng	1.882.261.453	1.935.397.383
Các khoản tương đương tiền	-	26.000.000.000
	<u>2.129.688.234</u>	<u>29.502.757.550</u>

**6. HÀNG TỒN KHO**

	<u>30/6/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	7.559.664.359	12.309.140.687
Công cụ, dụng cụ	55.777.530	269.380.104
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	113.875.761.122	90.701.774.996
Thành phẩm	721.114.276	652.388.693
	<u>122.212.317.287</u>	<u>103.932.684.480</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ MIỀN TRUNG**

Tòa nhà Trung tâm Tài chính Dầu khí, Lô A2.1, đường 30/4, quận Hải Châu  
 Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**  
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011  
 đến ngày 30/6/2011

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**MẪU SỐ B 09-DN****7. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	Thiết bị quản lý	Tài sản khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Tại ngày 1/1/2011	19.257.925.052	45.725.658.790	20.371.886.334	967.294.122	3.098.080.909	89.420.845.207
Mua sắm mới	-	398.163.635	-	148.101.137	-	546.264.772
Tại ngày 30/6/2011	19.257.925.052	46.123.822.425	20.371.886.334	1.115.395.259	3.098.080.909	89.967.109.979
Giá trị hao mòn lũy kế						
Tại ngày 1/1/2011	3.706.947.208	14.359.636.403	7.335.602.934	599.855.719	2.095.243.019	28.097.285.283
Khấu hao trong kỳ	449.278.883	2.698.842.007	1.581.752.288	79.585.568	210.960.496	5.020.419.242
Tại ngày 30/6/2011	4.156.226.091	17.058.478.410	8.917.355.222	679.441.287	2.306.203.515	33.117.704.525
Giá trị còn lại						
Tại ngày 30/6/2011	15.101.698.961	29.065.344.015	11.454.531.112	435.953.972	791.877.394	56.849.405.454
Tại ngày 31/12/2010	15.550.977.844	31.366.022.387	13.036.283.400	367.438.403	1.002.837.890	61.323.559.924

Nguyên giá của TSCĐ bao gồm các TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 8.701.869.021 đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ MIỀN TRUNG**Tòa nhà Trung tâm Tài chính Dầu khí, Lô A2.1, đường 30/4, quận Hải Châu  
Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011  
đến ngày 30/6/2011**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MÃU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***8. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG**

	30/6/2011	31/12/2010
	VND	VND
Trạm trộn	229.949.191	229.949.191
Nhà máy sản xuất bao bì	104.741.346.373	21.625.779.184
	<b>104.971.295.564</b>	<b>21.855.728.375</b>

**9. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Quyền sử dụng	Tổng
	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>			
Tại ngày 1/1/2011	18.693.000.000	162.320.000.000	181.013.000.000
Tăng trong kỳ	-	-	-
Tại ngày 30/6/2011	<b>18.693.000.000</b>	<b>162.320.000.000</b>	<b>181.013.000.000</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Tại ngày 1/1/2011	407.611.250	-	407.611.250
Khấu hao trong kỳ	467.325.000	-	467.325.000
Tại ngày 30/6/2011	<b>874.936.250</b>	<b>-</b>	<b>874.936.250</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày 30/6/2011	<b>17.818.063.750</b>	<b>162.320.000.000</b>	<b>180.138.063.750</b>
Tại ngày 31/12/2010	<b>18.285.388.750</b>	<b>162.320.000.000</b>	<b>180.605.388.750</b>

Công ty không thực hiện trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất do đây là quyền sử dụng đất không có thời hạn. Như trình bày tại Thuyết minh số 14, Công ty đã thế chấp quyền sử dụng đất với tổng giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 06 năm 2011 là 162.320.000.000 đồng để đảm bảo cho các khoản tiền vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại dương theo Hợp đồng số 57/2010/HĐTD1-OCEANBANK06 ngày 10 tháng 7 năm 2010. Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư là khoảng 210 tỷ đồng.

**10. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT**

Khoản đầu tư vào công ty liên kết thể hiện khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Khu Công nghiệp Hòa Cẩm với giá gốc khoản đầu tư là 22,8 tỷ đồng. Thông tin chi tiết như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ (%)	Hoạt động chính
Công ty CP Đầu tư Khu Công nghiệp Hòa Cẩm	Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng	45,6	45,6	Đầu tư, khai thác và kinh doanh khu công nghiệp. Kinh doanh bất động sản.

**11. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC**

Là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang. Công ty đã góp vốn bằng tiền là 11,3 tỷ đồng từ ngày 19 tháng 8 năm 2010, tỷ lệ vốn góp của Công ty chiếm 3,77% tổng vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang.

## 12. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	30/6/2011	31/12/2010
	VND	VND
Vay ngắn hạn (*)	170.746.562.825	119.970.872.209
Khoản vay số 1	9.622.749.240	68.124.756.704
Khoản vay số 2	29.967.090.484	32.633.889.195
Khoản vay số 3	49.498.993.555	19.212.226.310
Khoản vay số 4	71.657.729.546	-
Khoản vay số 5	10.000.000.000	-
Nợ dài hạn đến hạn trả	12.721.038.531	12.721.038.531
	<b>183.467.601.356</b>	<b>132.691.910.740</b>

(\*) Số dư vay ngắn hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 thể hiện các khoản vay sau:

Khoản vay 1: Đây là khoản vay từ Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 27/TDHM-NH/TD10 và Hợp đồng bảo lãnh hạn mức số 03/BL-HM/TXV09 ngày 4 tháng 02 năm 2009. Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam ủy quyền cho Tổng Giám đốc Công ty trực tiếp giao dịch, rút vốn, sử dụng hạn mức vay vốn ngắn hạn và bảo lãnh với hạn mức tín dụng là 70 tỷ đồng và với hạn mức bảo lãnh là 40 tỷ đồng. Mục đích khoản vay nhằm bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh với thời hạn cho vay là 6 tháng theo từng kế ước nhận nợ. Lãi suất cho vay là lãi suất ngắn hạn do bên cho vay công bố tại thời điểm bên vay rút vốn và được ghi cụ thể trên từng kế ước. Lãi suất quá hạn được tính bằng 150% lãi suất cho vay.

Khoản vay 2: Đây là khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội theo Hợp đồng số 603 ngày 28 tháng 6 năm 2010. Theo đó, hạn mức vay là 30 tỷ đồng, hạn mức bảo lãnh là 40 tỷ đồng. Mục đích khoản vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh trong năm 2010. Thời hạn cho vay tối đa là 9 tháng/kế ước. Lãi suất quy định theo từng lần rút vốn. Khoản vay được thế chấp bằng các quyền đòi nợ khối lượng xây lắp hoàn thành và một số nguồn thu hợp pháp khác.

Khoản vay 3: Đây là khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội theo Hợp đồng vay số 1009DN163. Theo đó, hạn mức vay là 50 tỷ đồng, khoản vay được thế chấp bằng tài sản bảo đảm là giá trị khoản phải thu còn lại từ hợp đồng xây dựng do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội tài trợ vốn được quy định cụ thể tại các Hợp đồng thế chấp liên quan đến Hợp đồng tín dụng hạn mức số 1009 và từ các nguồn thu hợp pháp khác. Mục đích khoản vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh trong năm 2010. Thời hạn cho vay tối đa là 6 tháng/ kế ước. Lãi suất quy định theo từng lần rút vốn. Khoản vay được thế chấp bằng giá trị khoản phải thu còn lại từ hợp đồng xây dựng do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội tài trợ.

Khoản vay 4: Đây là khoản vay từ Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2011/HMTD/PVFCĐN-PVCMT ngày 13 tháng 04 năm 2011. Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung ủy quyền cho Tổng Giám đốc Công ty trực tiếp giao dịch, rút vốn, sử dụng hạn mức vay vốn ngắn hạn và bảo lãnh với hạn mức tín dụng là 150 tỷ đồng và với hạn mức bảo lãnh là 70 tỷ đồng. Mục đích khoản vay nhằm bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh với thời hạn cho vay là 6 tháng theo từng kế ước nhận nợ. Lãi suất cho vay là lãi suất ngắn hạn do bên cho vay công bố tại thời điểm bên vay rút vốn và được ghi cụ thể trên từng kế ước. Lãi suất quá hạn được tính bằng 150% lãi suất cho vay.

Khoản vay 5: Đây là khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương - Chi nhánh Đà Nẵng theo Hợp đồng số 0042/2011/HĐTD1-OCEANBANK ngày 06 tháng 3 năm 2011. Theo đó, hạn mức vay là 10 tỷ đồng với thời hạn vay không quá 9 tháng cho mỗi khoản vay trên giấy nhận nợ. Mục đích của khoản vay là bổ sung vốn kinh doanh. Lãi suất thỏa thuận được quy định cụ thể trong giấy nhận nợ theo mỗi lần rút vốn vay, được điều chỉnh 3 tháng/ lần bằng lãi suất tiết kiệm VND kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của Oceanbank công bố tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ tối thiểu 6%/năm. Khoản vay được thế chấp bằng Quyền sử dụng đất cho lô đất số BC 103853 được định giá thế chấp là 60 tỷ đồng và Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 645167 được định giá thế chấp là 77,435 tỷ đồng (xem Thuyết minh số 9). Lãi suất quá hạn là 150% lãi suất áp dụng.



**13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	<u>30/6/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.029.933.256	6.818.379.481
Thuế thu nhập cá nhân	338.046.121	144.112.884
Thuế tài nguyên	32.562.000	31.063.500
Các khoản phí, lệ phí và thuế khác	14.863.972	6.903.000
	<u><b>1.415.405.349</b></u>	<u><b>7.000.458.865</b></u>

**14. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN**

	<u>30/6/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	VND	VND
Vay dài hạn (*)	173.626.130.000	117.401.767.198
<i>Khoản vay số 1</i>	<i>579.947.429</i>	<i>745.646.695</i>
<i>Khoản vay số 2</i>	<i>5.211.100.917</i>	<i>5.905.920.917</i>
<i>Khoản vay số 3</i>	<i>109.178.016.636</i>	<i>109.178.016.636</i>
<i>Khoản vay số 4</i>	<i>58.657.065.018</i>	<i>1.572.182.950</i>
Nợ dài hạn khác	4.426.608.174	4.426.608.174
	<u><b>178.052.738.174</b></u>	<u><b>121.828.375.372</b></u>

(\*) Số dư vay dài hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 thể hiện các khoản vay sau:

Khoản vay số 1: Đây là khoản vay không thế chấp bằng tài sản mà Công ty TNHH một thành viên Xây lắp Dầu khí Miền Trung ký hợp đồng tín dụng trung và dài hạn với Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng (hợp đồng số 5) với hạn mức tín dụng là 15 tỷ đồng tại ngày 23 tháng 12 năm 2008. Sau khi chuyển đổi từ Công ty TNHH, Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung tiếp tục thực hiện hợp đồng này. Khoản vay này được trả làm nhiều lần bắt đầu từ tháng 10 năm 2009 tới tháng 1 năm 2013. Khoản vay chịu lãi suất bằng lãi suất huy động vốn cá nhân 12 tháng bằng VND của Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam (loại trả lãi cuối kỳ) cộng 6%/năm, điều chỉnh 3 tháng/lần. Khoản vay dài hạn này nhằm mục đích đầu tư vào "Dự án Xưởng cơ khí và vật liệu xây dựng Dung Quất - Quảng Ngãi".

Khoản vay số 2: Đây là khoản vay không thế chấp bằng tài sản từ Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam theo Hợp đồng tín dụng số 12/TDH/2009 ngày 29 tháng 12 năm 2009. Theo đó, hạn mức vay là 12,4 tỷ đồng, mục đích để thực hiện đầu tư máy móc thiết bị, thời hạn vay tối đa là 60 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên, lãi suất theo từng lần rút vốn.

Khoản vay số 3: Đây là khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại dương theo Hợp đồng số 57/2010/HĐTD1-OCEANBANK06 ngày 10 tháng 7 năm 2010. Theo đó, hạn mức vay là 110 tỷ đồng với thời hạn vay 120 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Mục đích của khoản vay là vay mua và đầu tư khách sạn Đà Nẵng Riverside và lô đất 5.000m<sup>2</sup> kèm theo. Lãi suất cho vay áp dụng mức 17%/năm, được điều chỉnh 3 tháng/lần bằng lãi suất tiết kiệm VND kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của Oceanbank công bố tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ tối thiểu 6%. Khoản vay được thế chấp bằng Quyền sử dụng đất cho lô đất số BC 103853 được định giá thế chấp là 60 tỷ đồng và Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 645167 được định giá trị thế chấp là 77,435 tỷ đồng (xem Thuyết minh số 9). Lãi suất quá hạn là 150% lãi suất áp dụng.

Khoản vay số 4: Đây là khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại dương theo Hợp đồng số 110/2010/HĐTD1-OCEANBANK06 ngày 29 tháng 9 năm 2010. Theo đó, hạn mức vay là 83 tỷ đồng với thời hạn vay 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Mục đích của khoản vay là đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất bao bì tại Dung Quất, Quảng Ngãi. Lãi suất cho vay áp dụng mức 16,2%/năm, được điều chỉnh 3 tháng/lần bằng lãi suất tiết kiệm VND kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của Oceanbank công bố tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ tối thiểu 5%.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ MIỀN TRUNG**

Báo cáo tài chính

Tòa nhà Trung tâm Tài chính Dầu khí, Lô A2.1, đường 30/4, quận Hải Châu  
Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt NamCho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011  
đến ngày 30/6/2011**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MAU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**14. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (Tiếp theo)**

Khoản vay và nợ dài hạn được hoàn trả theo lịch sau:

	30/6/2011	31/12/2010
	VND	VND
Trong vòng một năm	12.721.038.531	12.721.038.531
Trong năm thứ hai	22.638.188.897	16.015.824.229
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	75.431.820.917	38.913.495.975
Sau năm năm	67.261.689.829	54.178.016.637
	<b>178.052.738.174</b>	<b>121.828.375.372</b>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	12.721.038.531	12.721.038.531
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<b>165.331.699.643</b>	<b>109.107.336.841</b>

**15. VỐN CỔ PHẦN**

Thay đổi trong vốn cổ phần

	Vốn điều lệ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 1/1/2010	50.000.000.000	-	-	2.920.635.343	52.920.635.343
Tăng trong năm	100.000.000.000	-	-	-	100.000.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	22.136.973.277	22.136.973.277
Trả cổ tức	-	-	-	(11.250.000.000)	(11.250.000.000)
Giảm khác trong năm	-	-	-	(123.948.811)	(123.948.811)
<b>Tại ngày 31/12/2010</b>	<b>150.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>13.683.659.809</b>	<b>163.683.659.809</b>
Tăng trong kỳ (ii)	-	430.000.000	1.100.000.000	-	1.530.000.000
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	2.419.081.249	2.419.081.249
Trả cổ tức (i)	-	-	-	(11.250.000.000)	(11.250.000.000)
Phân phối lợi nhuận (ii)	-	-	-	(2.433.659.809)	(2.433.659.809)
<b>Tại ngày 30/6/2011</b>	<b>150.000.000.000</b>	<b>430.000.000</b>	<b>1.100.000.000</b>	<b>2.419.081.249</b>	<b>153.949.081.249</b>

(i): Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 ngày 27 tháng 4 năm 2011, tỷ lệ chia cổ tức đối với lợi nhuận năm 2010 là 15% vốn điều lệ. Công ty đã tạm ứng cổ tức lần 1 cho các cổ đông trong năm 2010. Số cổ tức còn lại 7,5% (750 đồng/1 cổ phiếu) đã được trả trong 6 tháng đầu năm 2011.

(ii): Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 ngày 27 tháng 4 năm 2011, Công ty đã sử dụng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối để trích lập quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính, quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ thưởng ban điều hành với số tiền lần lượt là 430.000.000 đồng, 1.100.000.000 đồng, 853.659.809 đồng và 50.000.000 đồng.

**Vốn điều lệ**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, vốn điều lệ của Công ty là 150 tỷ đồng. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

STT	Cổ đông	Số cổ phần (1000 CP)	Tỷ lệ %	Giá trị cổ phần (VND)
1	Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	7.650	51,00%	76.500.000.000
2	Công ty CP Quản lý Quỹ đầu tư FPT	750	5,00%	7.500.000.000
3	Các cổ đông khác	6.600	44,00%	66.000.000.000
	<b>Cộng</b>	<b>15.000</b>	<b>100%</b>	<b>150.000.000.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ MIỀN TRUNG**Tòa nhà Trung tâm Tài chính Dầu khí, Lô A2.1, đường 30/4, quận Hải Châu  
Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011  
đến ngày 30/6/2011**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MÃU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***16. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010
	VND	VND
Doanh thu hoạt động xây lắp	229.892.949.115	122.169.275.170
Doanh thu hoạt động khác	11.352.432.584	1.797.601.761
	<b>241.245.381.699</b>	<b>123.966.876.931</b>

**17. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010
	VND	VND
Giá vốn hoạt động xây lắp	189.228.841.422	102.688.230.763
Giá vốn hoạt động khác	9.362.614.679	1.850.161.943
	<b>198.591.456.101</b>	<b>104.538.392.706</b>

**18. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010
		VND
Lợi nhuận trước thuế	3.453.500.909	8.181.497.276
<b>Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế</b>		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	684.177.731	-
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>4.137.678.640</b>	<b>8.181.497.276</b>
Thuế suất	25%	25%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>1.034.419.660</b>	<b>2.045.374.319</b>

**19. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU****Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành, được thực hiện như sau:

Lợi nhuận:

	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.419.081.249	6.136.122.957
<b>Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>2.419.081.249</b>	<b>6.136.122.957</b>

Số cổ phiếu:

	30/6/2011	30/6/2010
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	15.000.000	13.333.333

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ MIỀN TRUNG**Tòa nhà Trung tâm Tài chính Dầu khí, Lô A2.1, đường 30/4, quận Hải Châu  
Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011  
đến ngày 30/6/2011**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MÃU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***19. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU (Tiếp theo)**Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011</u>	<u>Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010</u>
	VND	VND
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	161	460

**20. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	<u>Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011</u>	<u>Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010</u>
	VND	VND
<b>Doanh thu</b>		
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	9.688.262.413	38.729.643.744
Công ty TNHH MTV Lọc Hoá Dầu Bình Sơn	10.721.965.750	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi (PTSC)	27.807.052.422	-
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí (PETROSETCO)	18.014.601.677	-
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam -CN Đà Nẵng	114.518.183	-
Ban điều hành dự án Nhà máy điện Vũng Áng - Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	60.819.517.155	-
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	7.782.124.858	-
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	389.454.545	-
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	156.090.910	-
Ban điều hành dự án Polypropylene Nhà máy lọc dầu Dung Quất	-	5.925.902.589
Ban QLDA Nhà máy lọc dầu Dung Quất	38.494.066.462	28.853.553.444
Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sinh học Dầu khí Miền Trung	-	12.617.250.663
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất	17.523.618.863	-
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Dầu khí Đà Nẵng	365.791.363	-
<b>Mua tài sản, hàng hóa, dịch vụ</b>		
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	2.481.081.548	23.921.948.166
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí Quảng Ngãi	154.175.174	4.997.737.000
Tổng Công ty Bảo hiểm Dầu khí khu vực Đà Nẵng	249.137.600	99.633.700
<b>Lãi vay</b>		
Lãi tiền vay phải trả Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí - CN Đà Nẵng	6.199.422.563	1.930.036.257
<b>Thu nhập của Ban Giám đốc được hưởng trong kỳ</b>		
Lương	622.885.675	326.939.467

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***20. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)***Số dư với các bên liên quan:*

	30/6/2011	31/12/2010
	VND	VND
<b>Phải thu</b>		
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	26.217.248.489	27.756.954.982
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	154.175.174	4.849.005.900
Công ty CP Xây dựng Dầu khí Nghệ An	121.699.480	218.028.048
<b>Phải trả</b>		
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	4.966.947.664	3.456.324.227
CN Thị công cơ giới Dầu khí - Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	-	6.123.347.000
<b>Các khoản nhận ứng trước</b>		
Ban QLDA Nhà máy lọc dầu Dung Quất	16.967.022.915	18.935.812.824
<b>Nợ dài hạn</b>		
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	4.426.608.174	4.426.608.174
<b>Các khoản vay</b>		
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam - CN Đà Nẵng		
- Vay ngắn hạn:	81.280.478.786	68.124.756.704
- Vay trung hạn:	5.791.048.346	6.651.567.612

**21. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Ngày 28 tháng 06 năm 2011, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung đã có Quyết định số 029/QĐ-XLDKMT-HĐQT về việc thành lập Công ty TNHH một thành viên Bao bì Dung Quất. Theo đó, Công ty TNHH một thành viên Bao bì Dung Quất chính thức đi vào hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH một thành viên mã số 4300608251 đăng ký lần đầu ngày 08 tháng 07 năm 2011 cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ngãi. Công ty TNHH một thành viên Bao bì Dung Quất có vốn điều lệ 50 tỷ đồng, chủ sở hữu là Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung.

Ngày 08 tháng 06 năm 2011, Công ty đã ký Hợp đồng Ủy quyền bán đấu giá tài sản số 02/2011/HĐ-TTGDBĐSDN với Trung tâm giao dịch Bất động sản Đà Nẵng về việc ủy quyền cho Trung tâm giao dịch Bất động sản Đà Nẵng thực hiện tổ chức bán đấu giá Khách sạn, nhà hàng Đà Nẵng Riverside và Khu đất 5.000 m<sup>2</sup> tại phường An Hải Tây, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng. Ngày 11 tháng 07 năm 2011, Công ty đã có Công văn số 917/XLDKMT-TMĐT gửi Trung tâm giao dịch Bất động sản Đà Nẵng yêu cầu bán đấu giá các tài sản nêu trên với giá khởi điểm bán cho một chủ thể là 210 tỷ đồng. Ngày 26 tháng 7 năm 2011, theo biên bản bán đấu giá trọn gói Khách sạn, nhà hàng Đà Nẵng Riverside và Khu đất 5.000 m<sup>2</sup> tại phường An Hải Tây, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng, Công ty Cổ phần Vĩnh Thiện Đà Nẵng là đơn vị trúng đấu giá với mức giá cao nhất là 210,5 tỷ đồng. Cùng ngày, Công ty Cổ phần Vĩnh Thiện Đà Nẵng đã đặt cọc số tiền 31 tỷ đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ MIỀN TRUNG**

Tòa nhà Trung tâm Tài chính Dầu khí, Lô A2.1, đường 30/4, quận Hải Châu  
Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011  
đến ngày 30/6/2011

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**22. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh trên bảng cân đối kế toán là số liệu của báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010. Số liệu so sánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu của báo cáo tài chính đã được soát xét cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 06 năm 2010.



**Bùi Công Toanh**  
Giám đốc

Ngày 8 tháng 8 năm 2011

**Lê Trí Tài**  
Kế toán trưởng